

Số: 182/BVTN

Thủy Nguyên, ngày 04 tháng 8 năm 2020

BẢN CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành
trong đào tạo khối ngành sức khỏe**

Kính gửi: Sở Y tế thành phố Hải Phòng

Tên cơ sở công bố: **Bệnh viện đa khoa huyện Thủy Nguyên**

Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 04/2015/GPHĐ-BV, do Sở Y tế Hải Phòng cấp ngày 03/12/2015.

Địa chỉ: Thôn 6 xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: BS CKII Trần Quốc Trinh.

Điện thoại liên hệ: 0913085115; Email: trinhtq15@gmail.com.

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành: Nội khoa, Ngoại khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Y học cổ truyền - phục hồi chức năng (*Danh mục kèm theo-Phụ lục 1*)
2. Trình độ đào tạo thực hành: (*Danh mục kèm theo-Phụ lục 1*)
3. Số lượng người đào tạo thực hành: (*Danh mục kèm theo-Phụ lục 1*)
4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu: (*Danh mục kèm theo-Phụ lục 2*)
5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh tại mỗi khoa phòng: (*Danh mục kèm theo-Phụ lục 2*)
6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành: (*Danh mục kèm theo-Phụ lục 3*)

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị Sở Y tế Hải Phòng xem xét, đăng tải thông tin theo quy định.

Bệnh viện đa khoa Thủy Nguyên xin trân trọng cảm ơn./. *ML*

Nơi nhận:

- Như k/gửi;
- Lãnh đạo BV;
- Lưu VT.



Trần Quốc Trinh



THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH
TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỦY NGUYÊN
(Tại 1 thời điểm)

(Phụ lục kèm Công văn số 182/CV-BVTN ngày 04/8/2020)

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa	Số lượng NGD đạt yêu	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	7720101	Đại học	Y đa khoa	Hồi sức cấp cứu	Thăm khám bệnh; Triệu chứng và phương pháp chẩn đoán	Khoa cấp cứu, hồi sức tích cực và Chống độc	4	40	15	45	0	40
				Nội cơ sở, nội bệnh lý	Thăm khám bệnh; Triệu chứng và phương pháp chẩn đoán	Khoa Nội tim mạch - hô hấp	6	60	20	60	0	60
						Khoa nội tổng hợp	8	80	30	90	0	80
				Y học cổ truyền, PHCN	Thăm khám bệnh; Triệu chứng và phương pháp chẩn đoán	Khoa y học cổ truyền -PHCN	6	60	20	60	0	60
				Ngoại cơ sở, ngoại bệnh lý	Thăm khám bệnh; Triệu chứng và phương pháp chẩn đoán	Khoa Ngoại	8	80	30	90	0	80
				Sản phụ khoa cơ sở, bệnh lý	Thăm khám bệnh; Triệu chứng và phương pháp chẩn đoán	Khoa Phụ Sản	7	70	25	75	0	70
				Nhi cơ sở, nhi bệnh lý	Thăm khám bệnh; Triệu chứng và phương pháp chẩn đoán	Khoa Nhi	4	40	15	45	0	40



				Truyền nhiễm	Thăm khám bệnh; Triệu chứng và đưa phương pháp chẩn đoán	Khoa Bệnh Nhiệt đới	4	40	15	45	0	40
2	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Chăm sóc NB cấp cứu và CS tích cực	Thực hành lâm sàng	Khoa cấp cứu, hồi sức tích cực và Chống độc	3	30	10	30	0	30
				Chăm sóc NB Nội khoa	Thực hành lâm sàng	Khoa Nội tim mạch – hô hấp	3	30	20	60	0	30
						Khoa Nội tổng hợp	3	30	20	60	0	30
				Chăm sóc NB YHCT - PHCN	Thực hành lâm sàng	Khoa y học cổ truyền – PHCN	1	10	10	30	0	10
				Chăm sóc NB Ngoại khoa	Thực hành lâm sàng	Khoa Ngoại	4	40	20	60	0	40
				Chăm sóc phụ nữ , BM, TE & KHHGD	Thực hành lâm sàng	Khoa Phụ Sản	3	30	20	60	0	30
				Chăm sóc sức khỏe trẻ em	Thực hành lâm sàng	Khoa Nhi	2	20	10	30	0	20
				Chăm sóc NB truyền nhiễm	Thực hành lâm sàng	Khoa Bệnh Nhiệt đới	2	20	10	30	0	20

3	7720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc NB cấp cứu và CS tích cực	Thực hành lâm sàng	Khoa cấp cứu, hồi sức tích cực và Chống độc	2	30	10	30	0	30
				Chăm sóc NB Nội khoa	Thực hành lâm sàng	Khoa Nội tim mạch – hô hấp	2	30	20	60	0	30
						Khoa nội tổng hợp	2	30	20	60	0	30
				Chăm sóc NB YHCT - PHCN	Thực hành lâm sàng	Khoa y học cổ truyền - PHCN	1	15	15	45	0	15
				Chăm sóc NB Ngoại khoa	Thực hành lâm sàng	Khoa Ngoại	3	45	20	60	0	45
				Chăm sóc phụ nữ, BM, TE & KHHGD	Thực hành lâm sàng	Khoa Phụ Sản	2	30	20	60	0	30
				Chăm sóc sức khỏe trẻ em	Thực hành lâm sàng	Khoa Nhi	1	15	10	30	0	15
				Chăm sóc NB truyền nhiễm	Thực hành lâm sàng	Khoa Bệnh Nhiệt đới	1	15	10	30	0	15

**DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**

(Phụ lục kèm Công văn số 182/CV-BVTN ngày 04/8/2020)

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề (Số)	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học	Nội dung môn học	Khoa yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
I	ĐẠI HỌC Y ĐA KHOA									
1	Trần Quốc Trinh	BS CKII	BS đa khoa	3325	Nội tổng hợp	30	Y đa khoa	Thăm khám bệnh; Triệu chứng và phương pháp chẩn đoán; Thực hành lâm sàng	Cấp cứu, HSTC và Chống độc	15
2	Lê Khắc Tùng	BS CKII	BS đa khoa	3324	Nội tổng hợp	30				
3	Chu Hồng Thanh	BS CKI	BS đa khoa	3344	Nội tổng hợp	16				
4	Vũ Văn Lâm	Bác sĩ	BS đa khoa	6301	Nội tổng hợp	8				
5	Lê Văn Khánh	BS CKI	BS đa khoa	3323	Nội tổng hợp	21	Y đa khoa	Thăm khám bệnh; Triệu chứng và phương pháp chẩn đoán; Thực hành lâm sàng	Nội tim mạch - hô hấp	20
6	Nguyễn Thị Huệ	Bác sĩ	BS đa khoa	3333	Nội tổng hợp	9				
7	Phạm Thị Quế	BS CKI	BS đa khoa	373	Nội tổng hợp	24				
8	Hoàng Thị Huyền	Bác sĩ	BS đa khoa	9307	Nội tổng hợp	4				
9	Nguyễn Thị Nga	Bác sĩ	BS đa khoa	10417	Nội tổng hợp	3				
10	Cù Thị Hà	Bác sĩ	BS đa khoa	10418	Nội tổng hợp	3				

11	Đỗ Thị Thu Hằng	ThS, BS	BS đa khoa	4686	Nội tổng hợp	15	Y đa khoa	Thăm khám bệnh; Triệu chứng và phương pháp chẩn đoán; Thực hành lâm sàng	Nội tổng hợp	30
12	Bùi Văn Hải	BS CKI	BS đa khoa	916	Nội tổng hợp	19				
13	Lê Trung Phong	Bác sĩ	BS đa khoa	6309	Nội tổng hợp	8				
14	Trần Thị Thuần	BS CKI	BS đa khoa	4690	Nội tổng hợp	9				
15	Phạm Văn Duy	Bác sĩ	BS đa khoa	257	Nội tổng hợp	13				
16	Đỗ Thị Nguyên	Bác sĩ	BS đa khoa	9702	Nội tổng hợp	4				
17	Phạm Thị Giang	Bác sĩ	BS đa khoa	10326	Nội tổng hợp	3				
18	Phạm Văn Quý	Bác sĩ	BS đa khoa	551	Nội tổng hợp	3				
19	Vũ Văn Bộ	BS CKI	BS đa khoa	9514	YHCT-PHCN	18	Bệnh học Y học cổ truyền; thực hành lâm sàng	Thăm khám bệnh; Triệu chứng và đưa phương pháp chẩn đoán; Thực hành lâm sàng	Y học cổ truyền - PHCN	20
20	Nguyễn Huy Công	BS CKI	BS đa khoa	3343	YHCT-PHCN	17				
21	Nguyễn Công Bằng	BS CKI	BS đa khoa	10375	YHCT-PHCN	14				
22	Phạm Thị Kim Phượng	Bác sĩ	BS đa khoa	3346	YHCT-PHCN	16				
23	Nguyễn Văn Khải	Bác sĩ	BS đa khoa	10325	YHCT-PHCN	10				
24	Nguyễn Văn Tuyến	Bác sĩ	BS đa khoa	9757	YHCT-PHCN	12				

25	Đào Văn Điệp	BS CKII	BS đa khoa	3331	Ngoại TH	27	Y đa khoa	Thăm khám bệnh; Triệu chứng và đưa phương pháp chẩn đoán; Thực hành lâm sàng	Ngoại tổng hợp	30
26	Bùi Văn Hường	BS CKII	BS đa khoa	3330	Ngoại TH	27				
27	Nguyễn Văn Tuất	BS CKI	BS đa khoa	215	Ngoại TH	24				
28	Vũ Trọng Minh	BS CKI	BS đa khoa	33	Ngoại TH	35				
29	Lại Đức Dũng	BS CKI	BS đa khoa	3348	Ngoại TH	14				
30	Nguyễn Văn Huy	ThS, BS	BS đa khoa	9704	Ngoại TH	5				
31	Dương Đình Quang	Bác sĩ	BS đa khoa	10866	Ngoại TH	2				
32	Đồng Xuân Minh	Bác sĩ	BS đa khoa	3341	Ngoại TH	16	Y đa khoa	Thăm khám bệnh; Triệu chứng và đưa phương pháp chẩn đoán; Thực hành lâm sàng	Phụ Sản	25
33	Phạm Hữu Nghĩa	BS CKII	BS đa khoa	770	Sản phụ khoa	24				
34	Phạm Thị Thanh Thủy	BS CKI	BS đa khoa	776	Sản phụ khoa	21				
35	Hà Thị Bích Thủy	BS CKI	BS đa khoa	3350	Sản phụ khoa	8				
36	Đinh Thị The	BS CKI	BS đa khoa	06	Sản phụ khoa	19				
37	Lê Thị Kim Lan	BS CKI	BS đa khoa	137	Sản phụ khoa	14				
38	Nguyễn Thị Hương	Bác sĩ	BS đa khoa	17	Sản phụ khoa	4				
39	Lại Thị Thùy Linh	Bác sĩ	BS đa khoa	3026	Sản phụ khoa	9				

40	Hoàng Thị Hồng Vĩnh	BS CKI	BS đa khoa	1297	Nhi khoa	15	Y đa khoa	Thăm khám bệnh; Triệu chứng và đưa phương pháp chẩn đoán; Thực hành LS	Nhi	15
41	Nguyễn Thị Hồng	Bác sĩ	BS đa khoa	375	Nhi khoa	11				
42	Chu Thị Phụng	BS CKI	BS đa khoa	3339	Nhi khoa	9				
43	Đào Thanh Huyền	Bác sĩ	BS đa khoa	6306	Nhi khoa	9				
44	Bùi Minh Khôi	BS CKI	BS đa khoa	6942	Nội tổng hợp	10	Y đa khoa	Thăm khám bệnh; Triệu chứng và đưa phương pháp chẩn đoán; Thực hành LS	Bệnh Nhiệt đới	15
45	Lê Thị Minh Hương	BS CKI	BS đa khoa	3337	Nội tổng hợp	13				
46	Vũ Thị Thu Hà	Bác sĩ	BS đa khoa	9701	Nội tổng hợp	5				
47	Đào Thanh Toàn	Bác sĩ	BS đa khoa	8966	Nội tổng hợp	6				
II	ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG									
1	Nguyễn Thị Thúy	ĐDDH	Điều dưỡng	4650	Điều dưỡng Nội khoa	31	KT điều dưỡng; Thực hành CS NB	Thực hành lâm sàng; Thực hành CS NB	Khoa Cấp cứu, HSTC và Chống độc	10
2	Đinh Chính Anh Thủy	ĐDDH	Điều dưỡng	4642	Điều dưỡng Nội khoa	13				
3	Vũ Ngọc Hà	ĐDDH	Điều dưỡng	4651	Điều dưỡng Nội khoa	15				
4	Nguyễn Thanh Hải	ĐDDH	Điều dưỡng	4704	Điều dưỡng Nội khoa	20	KT điều dưỡng; Thực hành CS NB	Thực hành lâm sàng; Thực hành CS NB	Nội Tim mạch-Hô hấp	20
5	Nguyễn Thị Nguyệt	ĐDDH	Điều dưỡng	4601	Điều dưỡng Nội khoa	23				
6	Trần Thị Hằng	ĐDDH	Điều dưỡng	7170	Điều dưỡng Nội khoa	14				
7	Lê Thị Hồng Nhung	ĐDDH	Điều dưỡng	3965	Điều dưỡng Nội khoa	11	KT điều dưỡng; Thực hành CS NB	Thực hành lâm sàng; Thực hành CS NB	Nội tổng hợp	20
8	Lê Thị Dung	ĐDDH	Điều dưỡng	3981	Điều dưỡng Nội khoa	14				
9	Đồng Thị Hằng	ĐDDH	Điều dưỡng	3978	Điều dưỡng Nội khoa	15				

10	Vũ Văn Phương	ĐDDH	Điều dưỡng	6770	Điều dưỡng Nội khoa	16	KT điều dưỡng; Thực hành CS NB	Thực hành lâm sàng; Thực hành CS NB	Y học cổ truyền - PHCN	10
11	Nguyễn Thị Bấm	ĐDDH	Điều dưỡng	171	Điều dưỡng Ngoại khoa	31	Kỹ thuật điều dưỡng; Thực hành CS NB	Thực hành lâm sàng; Thực hành CS NB	Ngoại tổng hợp	20
12	Nguyễn Thị Thu	ĐDDH	Điều dưỡng	4677	Điều dưỡng Ngoại khoa	14				
13	Nguyễn Đắc Khoa	ĐDDH	Điều dưỡng	4703	Điều dưỡng Ngoại khoa	32				
14	Hoàng Đắc Hà	ĐDDH	Điều dưỡng	4679	Điều dưỡng Ngoại khoa	16				
15	Trần Thị Huyền	ĐDDH	Điều dưỡng	4627	Hộ sinh	31	KT điều dưỡng; Thực hành CS NB	Thực hành lâm sàng; Thực hành CS NB	Phụ Sản	20
16	Nguyễn Thị Hải Hà	ĐDDH	Điều dưỡng	4628	Hộ sinh	22				
17	Nguyễn Thị Phương	ĐDDH	Điều dưỡng	4693	Hộ sinh	31				
18	Tổng Thị Hương Lan	ĐDDH	Điều dưỡng	5777	Điều dưỡng Nhi khoa	23	KT điều dưỡng; Thực hành chăm sóc NB	Thực hành lâm sàng; Thực hành chăm sóc NB	Khoa Nhi	10
19	Nguyễn Thị Mai Hương	ĐDDH	Điều dưỡng	7169	Điều dưỡng Nhi khoa	7				
20	Bùi Thị Thiện	ĐDDH	Điều dưỡng	3951	Điều dưỡng Nội khoa	14	KT điều dưỡng; Thực hành CS NB	Thực hành lâm sàng; Thực hành CS NB	Bệnh nhiệt đới	10
21	Lã Thị Vũ Quang	ĐDDH	Điều dưỡng	3959	Điều dưỡng Nội khoa	16				

III CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG										
1	Hồ Mạnh Quỳnh	ĐDDH	Điều dưỡng	4637	Điều dưỡng Nội khoa	14	KT điều dưỡng; Thực hành CS NB	Thực hành lâm sàng; Thực hành CS NB	Khoa Cấp cứu, HSTC và Chống độc	10
2	Nguyễn Văn Hưng	ĐDDH	Điều dưỡng	8248	Điều dưỡng Nội khoa	5				
3	Nguyễn Thị Hằng	ĐDDH	Điều dưỡng	10577	Điều dưỡng Nội khoa	3	KT điều dưỡng; Thực hành CS NB	Thực hành lâm sàng; Thực hành CS NB	Nội Tim mạch-Hô hấp	20
4	Bùi Thị Tâm	ĐDDH	Điều dưỡng	10327	Điều dưỡng Nội khoa	3				
5	Phạm Thị Kim	ĐDDH	Điều dưỡng	399	Điều dưỡng Nội khoa	15	KT điều dưỡng; Thực hành CS NB	Thực hành lâm sàng; Thực hành CS NB	Nội tổng hợp	20
6	Phạm Thị Bình	ĐDDH	Điều dưỡng	6536	Điều dưỡng Nội khoa	7				
7	Lã Thị Tính	ĐDDH	Điều dưỡng	4648	Điều dưỡng Nội khoa	14	KT điều dưỡng; Thực hành CS NB	Thực hành lâm sàng; Thực hành CS NB	Y học cổ truyền - PHCN	15
8	Lê Ánh Tuyết	ĐDDH	Điều dưỡng	5786	Điều dưỡng Ngoại khoa	6	Kỹ thuật điều dưỡng; Thực hành CS NB	Thực hành lâm sàng; Thực hành CS NB	Ngoại tổng hợp	20
9	Vũ Thị Thu Trang	ĐDDH	Điều dưỡng	6543	Điều dưỡng Ngoại khoa	6				
10	Phạm Thị Thanh	ĐDDH	Điều dưỡng	3991	Điều dưỡng Ngoại khoa	9				
11	Lê Thị Thúy Hằng	ĐDDH	Điều dưỡng	4631	Hộ sinh	15	KT điều dưỡng; Thực hành CS NB	Thực hành lâm sàng; Thực hành CS NB	Phụ Sản	20
12	Nguyễn Thanh Sâm	ĐDDH	Điều dưỡng	5779	Hộ sinh	22				

13	Bùi Thị Thanh	ĐDDH	Điều dưỡng	3956	Điều dưỡng Nhi khoa	10	KT điều dưỡng; Thực 14 hành chăm sóc NB	Thực hành lâm sàng; Thực hành chăm sóc NB	Khoa Nhi	10
14	Hoàng Thị Lương	ĐDDH	Điều dưỡng	3958	Điều dưỡng Nội khoa	10	KT điều dưỡng; Thực hành CS NB	Thực hành lâm sàng; Thực hành CS NB	Bệnh nhiệt đới	10

[Handwritten signature]





**DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA/ĐƠN VỊ
ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**

(Kèm Công văn số 182/ CV-BVTN ngày 04/8/2020)

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
I	Thiết bị chiếu chụp, CHT		
1	Máy XQuang tăng sáng	01	
2	Máy XQuang thường quy	04	
3	Máy chụp cắt lớp vi tính (<32 dãy)	01	
4	Máy chụp XQ răng	01	
5	Máy chụp cộng hưởng từ (1.5 tesla)	01	
II	Máy siêu âm		
1	Máy siêu âm màu 4D	02	
2	Máy siêu âm đen trắng	04	
3	Máy siêu âm xách tay	01	
II	Thăm dò chức năng		
1	Máy điện tim 3 cần	07	
2	Máy điện tim 6 cần	02	
3	Máy Holter điện tim	02	
4	Máy ghi điện não đồ	01	
5	Máy đo loãng bằng sóng siêu âm	01	
6	Máy đo loãng xương toàn thân	01	
7	Máy đo chức năng hô hấp	01	
8	Monitor theo dõi NB	16	
9	Monitor theo dõi sản khoa	02	
III	Máy xét nghiệm		
1	Máy phân tích huyết học	04	
2	Máy xét nghiệm sinh hóa	06	
3	Máy xét nghiệm miễn dịch	01	
4	Máy xét nghiệm nước tiểu	04	
5	Máy ly tâm	04	



[Handwritten signature]

6	Máy xét nghiệm đường máu HbA1C	01	
7	Máy đo nồng độ cồn trong hơi thở	01	
8	Máy xét nghiệm đông máu	01	
9	Máy xét nghiệm điện giải	01	
10	Kính hiển vi	02	
IV	Thiết bị phục vụ lâm sàng		
1	Máy gây mê	02	
2	Máy thở	03	02 máy CPAP
4	Hệ thống phẫu thuật nội soi	02	
5	Bộ phẫu thuật đại phẫu	02	
6	Bộ phẫu thuật trung phẫu	05	
7	Máy lọc máu chu kỳ	16	
8	Máy nội soi TMH	02	
9	Máy nội soi tiêu hóa	02	
10	Máy kéo giãn cột sống	03	
11	Máy siêu âm điều trị	02	
12	Máy điện xung	25	
13	Máy xung kích	01	
13	Máy điện châm có kim	42	
14	Máy điện châm không kim	01	
15	Máy xoa bóp áp lực hơi	01	
16	Máy laser công suất thấp	01	
17	Máy laser nội mạch	04	
18	Máy từ trường điều trị	01	
19	Đèn hồng ngoại	20	
20	Máy tạo oxy di động 5l/phút	04	
21	Bơm tiêm điện	21	
22	Khí dung siêu âm	05	
23	Máy truyền dịch	14	
24	Máy phá dung tạo nhịp tim	01	
25	Tủ ấm	02	

Handwritten signature

26	Máy hút dịch (chạy điện)	17	
27	Đèn điều trị vàng da trẻ sơ sinh	05	
28	Tủ sấy	09	
29	Ghế máy nha khoa	08	
30	Máy sinh hiển vi khám mắt	01	
31	Máy đo khúc xạ	01	
32	Máy cắt đốt	02	
33	Máy chẩn đoán nhiễm khuẩn Helicobacter Pylori	01	
34	Hệ thống nội soi tiêu hóa có phần mềm chẩn đoán ung thư sớm	02	
35	Nồi hấp	06	
36	Tủ hút vô trùng	01	
37	Tủ trữ máu	01	
38	Dao mổ điện cao tần	04	
39	Khoan xương điện	02	
40	Máy sóng ngắn điều trị	01	
41	Máy sắc thuốc	05	
42	Máy điều trị trung tần Đông Á	32	
43	Máy đập chân PHCN	01	
44	Xe đạp tập	05	
45	Ghế tập cơ đùi	01	
46	Máy điều trị bằng sóng xung kích xuyên tâm	01	
47	Máy soi cổ tử cung	02	
48	Máy nghe tim thai	02	
49	Máy Doppler tim thai	03	
50	Máy phun dung dịch khử trùng	01	
51	Máy hấp sấy khử khuẩn	01	
52	Máy điện phân thuốc	02	
V	Hệ thống phòng học		
1	Hội trường số 1 (Khu Nhà A)	01	

Handwritten signature

2	Hội trường số 2 (Khu nhà A)	01	
3	Phòng học tại khoa lâm sàng	09	
VI	Thiết bị phục vụ giảng dạy		
1	Máy chiếu projector cố định	02	
2	Máy chiếu projector di động	01	
3	Màn hình 32-42 inch	08	
4	Bảng viết 100 cm x 120 cm	08	
5	Máy tính	09	
6	Thiết bị Wifi	Bao phủ toàn BV	
7	Thư viện	01	
8	Âm thanh (bộ)	01	